

3. Hồ Thị Thủy Tiên. Hiệu quả phương pháp nâng xoang có sử dụng mô sợi huyết giàu tiểu cầu kết hợp cấy implant đồng thời. Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh. 2020. 49-84.
4. Ngô Huy Bình. Đặc điểm lâm sàng, X-quang và kết quả điều trị mất răng ở vùng đáy xoang hàm bằng kỹ thuật Implant nha khoa. Trường Đại học Y Hà Nội. 2020. 22-55.
5. Li X. Y., Jia C., Zhang Z. C. The normal range of maximum mouth opening and its correlation with height or weight in the young adult Chinese population. *Journal of Dental Sciences*. 2017. 12(1), 56-59, DOI: 10.1016/j.jds.2016.09.002.
6. Trương Uyên Cường. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, X-quang nhóm bệnh nhân cấy implant nâng xoang. *Tạp chí Y học quân sự*. 2018. 2018(1). 146-150.
7. Jensen O. T. Chapter 7: Sinus floor augmentation without bone grafting in The Sinus Bone Graft. Quintessence Publishing Co Inc. 2019. 66-72.
8. Thân Trọng Nguyên. Hình thái xoang hàm và vách ngăn xoang hàm: Khảo sát trên hình ảnh Cone beam CT của người Việt. Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh. 2016. 35-45
9. Scarfe W. C, Angelopoulos C. Maxillofacial Cone Beam Computed Tomography: Principles, Techniques and Clinical Applications. Springer International Publishing. 2018. 213-324.
10. Đậu Cao Lượng, Lê Đức Lánh. Hiệu quả của fibrin giàu tiểu cầu (A-prf+) kết hợp biphasic Tricalcium phosphate trong phẫu thuật nâng xoang. Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh. 2019. 43-78.
11. Phạm Thu Hằng, Đàm Văn Việt, Trần Thị Mỹ Hạnh. Đặc điểm lâm sàng, X-quang bệnh nhân phẫu thuật nâng xoang hở cấy ghép implant một thì. *Tạp Chí Nghiên Cứu Y Học*. 2021. 145(9), 241-246, <https://doi.org/10.52852/tencyh.v145i9.554>.
12. Al Faraje L. Clinical Anatomy for Oral Implantology. Quintessence Publishing Company Incorporated. 2021. 15-58.

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM NHỰA DÙNG MỘT LẦN CỦA NGƯỜI DÂN TẠI MỘT THỊ TRẤN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN NĂM 2022

Vũ Thái Sơn*, Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Y tế công cộng

*Email: vts@huph.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/5/2023

Ngày phản biện: 10/8/2023

Ngày duyệt đăng: 15/9/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sản phẩm nhựa dùng một lần được sử dụng phổ biến trong đời sống hàng ngày. Tuy nhiên, đây cũng là một nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng đối với môi trường. Ở các thị trấn kinh tế mới, vấn đề ô nhiễm do sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần càng trở nên trầm trọng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện để đánh giá thực trạng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của người dân tại một thị trấn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long năm 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 408 người dân đang sinh sống tại thị

trấn bằng bộ câu hỏi soạn sẵn. Số liệu được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1 và phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0. **Kết quả:** Trong tổng số 408 người dân tham gia nghiên cứu, có 42,4% người thực hành đúng về sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hành gồm: tình trạng hôn nhân ($OR=2,072$), thu nhập ($OR=1,66$) và kiến thức của người dân ($OR=0,58$). Tuy nhiên, chưa thấy mối liên quan giữa thái độ của người dân với thực hành; cũng như các yếu tố khác. **Kết luận:** Người dân thực hành đúng về việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần chưa cao. Các yếu tố liên quan chính đến việc thực hành đến từ cá nhân người dân tại thị trấn (kiến thức, tình trạng hôn nhân).

Từ khóa: Sản phẩm nhựa dùng một lần, thực hành đúng, sử dụng, người dân.

ABSTRACT

THE CURRENT SITUATION OF USING DISPOSABLE PLASTIC PRODUCTS OF PEOPLE IN A TOWN IN BINH TAN DISTRICT, VINH LONG PROVINCE AND SOME RELATED FACTORS IN 2022

Vu Thai Son*, Nguyen Thi Huong
University of Public Health

Background: Disposable plastic products are commonly used in daily life. However, it is also a source of serious pollution to the environment. In the new economic towns, the problem of pollution caused by the use of single-use plastic products becomes more and more serious.

Objectives: The study was carried out to evaluate the current situation of using single-use plastic products by people in a town in Binh Tan district, Vinh Long province in 2022. **Materials and methods:** The cross-sectional study was conducted on 408 people living in the town using a set of pre-prepared questionnaires. Data were entered using EpiData 3.1 software and analyzed using SPSS 22.0 software. **Results:** Out of a total of 408 people participating in the study, 42.4% of people practice correct use of single-use plastic products. Factors affecting practice include: marital status ($OR=2.072$), income ($OR=1.66$) and people's knowledge ($OR=0.58$). However, the relationship between people's attitude and practice has not been found; as well as other factors. **Conclusions:** People's correct practice of using single-use plastic products is not high. The main factors related to the practice come from individual townspeople (knowledge, marital status).

Keywords: Disposable plastic products, correct practice, use, people.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các sản phẩm nhựa dùng một lần (Single use plastic - SUP) là các chế phẩm nhựa chỉ được sử dụng một lần hoặc trong một thời gian ngắn trước khi bị thải bỏ [1]. Bên cạnh các lợi ích, SUP cũng là một nguồn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bởi chính các đặc tính của chúng. Trong tổng số 300 triệu tấn rác thải nhựa được ước tính hàng năm, có hơn 50% là SUP [2]. Các sản phẩm SUP có tỷ lệ bị thải bỏ ra môi trường tự nhiên cao hơn so với các sản phẩm tái sử dụng. Theo đánh giá của liên minh Châu Âu, 70% lượng rác thải nhựa thu được trên biển là các sản phẩm được sử dụng một lần [3], [4].

Tác động của chất thải nhựa SUP đối với môi trường và sức khỏe con người là toàn cầu và có thể trở nên rất nghiêm trọng [2]. Hầu hết SUP sau khi thải bỏ vào môi trường tự nhiên đều phân hủy thành các hạt vi nhựa (microplastic) có khả năng tồn tại khoảng 1000 năm, mà không chịu tác động của vi sinh vật hay ngoại cảnh [1]. Độc tố từ các vi hạt này sẽ khiến cơ thể bị mất cân bằng hóc-môn, ảnh hưởng đến cấu trúc não, hô hấp, tiêu hóa và suy yếu hệ miễn dịch [1]. Bên cạnh đó, việc xử lý các SUPs không đúng phương pháp, sẽ làm

sản sinh các khí độc như: furan, dioxin, hơi halogen và biphenyl polychlorin; các khí này gây độc trực tiếp cho cơ thể con người nếu hít phải [5].

Tại Việt Nam, theo số liệu thống kê của Bộ Tài nguyên và môi trường, lượng rác thải nhựa được thải ra môi trường khoảng 1,8 triệu tấn/năm, trong đó 80% là các sản phẩm SUPs (4). Lượng chất thải nhựa và túi nilon ở Việt Nam, chiếm khoảng 8-12% chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày. Tỷ lệ này lên đến 20-25% đối với các thị trấn kinh tế mới [4]. Thực hành của người dân trong quá trình sử dụng các sản phẩm SUPs là một yếu tố quan trọng trong việc kiểm soát sự gia tăng rác thải nhựa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường [5,6]. Tăng cường tái sử dụng, phân loại tại nguồn, sử dụng vật liệu thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần là các biện pháp thực hành người dân có thể thực hiện để khắc phục các vấn đề rác thải nhựa tại địa phương đang sinh sống. Để có cái nhìn tổng quan, cũng như đưa ra được các biện pháp can thiệp phù hợp đối với thực hành của người dân; chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu: Đánh giá thực trạng và xác định một số yếu tố liên quan đến thực hành sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của người dân tại một thị trấn, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long năm 2022.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người dân sinh sống tại thị trấn, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Người dân trên 18 tuổi, sinh sống ít nhất 6 tháng trên địa bàn nghiên cứu và là người quản lý việc sử dụng, thu gom, xử lý các sản phẩm nhựa dùng một lần tại hộ gia đình.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những người dân vắng mặt trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2022 tại một thị trấn, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Cỡ mẫu được xác định theo công thức ước tính một tỷ lệ

$$n = \frac{Z_{(1-\alpha/2)}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: kích thước cỡ mẫu.

$Z_{(1-\alpha/2)}=1,96$ (hệ số tin cậy 95%).

$d=0,05$ sai số tuyệt đối cho phép.

$p=0,6$ là tỷ lệ thực hành đúng về sử dụng nhựa dùng một lần của người dân nói chung theo nghiên cứu của Habeena Shaira và cộng sự (2019) thực hiện tại Madani Nagar, Karnataka (13). Cỡ mẫu xác định được là $n=369$ người. Dự phòng 10% mất mẫu, bỏ cuộc và phiếu không đạt; cỡ mẫu nghiên cứu là 408 người.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Xếp danh sách các hộ gia đình tại thị trấn theo alphabet tiếng Việt, sau đó thực hiện chọn ngẫu nhiên hệ thống ($k=13$) cho đến khi đủ số cỡ mẫu. Tại mỗi hộ gia đình, chọn người quản lý chính việc sử dụng, thu gom, xử lý các sản phẩm SUPs. Trong trường hợp không gặp hộ gia đình đã chọn, sẽ chuyển sang hộ gia đình liền kề trong danh sách đã lập.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Phỏng vấn người dân bằng bộ câu hỏi soạn sẵn gồm 3 phần: (1) Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu; (2) Kiến thức, thực hành của người dân về sản phẩm SUPs và (3) Một số yếu tố liên quan đến thực hành sử dụng sản phẩm SUPs. Đánh giá kiến thức, thực hành của người dân về sử dụng sản phẩm SUPs dựa trên 18 câu hỏi. Mỗi câu trả lời “Đúng” được tính 1 điểm, tổng điểm đánh giá kiến thức là 12 điểm và thực hành là 6 điểm, đối tượng đạt trên 50% số điểm được đánh giá là đạt.

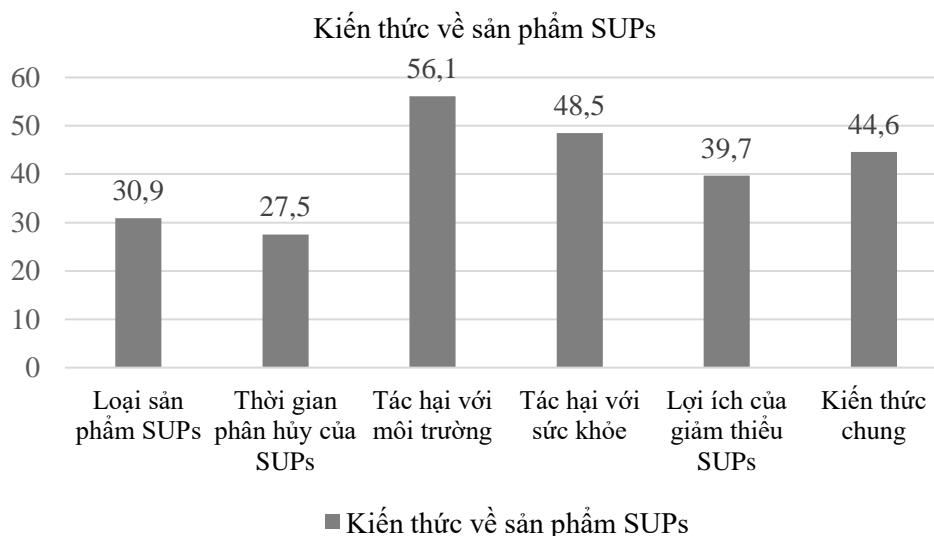
- **Phương pháp phân tích số liệu:** Số liệu sau khi thu thập được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1 và phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0. Các thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá thực trạng thực hành sử dụng các sản phẩm SUPs của người dân. Các thống kê phân tích được sử dụng để xác định mối liên quan giữa thực hành của người dân với các yếu tố cá nhân và kiến thức.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=408)

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi (49,57±9,64)	18-50	189	46,3
	> 50	219	53,7
Giới tính	Nam	241	59,1
	Nữ	167	40,9
Trình độ học vấn	Dưới trung học phổ thông	321	78,7
	Từ trung học phổ thông trở lên	87	21,3
Nghề nghiệp	Nông dân	179	43,9
	Nội trợ	68	16,7
	Cán bộ viên chức	18	4,4
	Buôn bán, kinh doanh	106	26,0
	Công nhân	25	6,1
	Học sinh, sinh viên	04	1,0
	Khác	08	2,0
Thu nhập bình quân hàng tháng	Dưới 5 triệu	259	63,5
	Từ 5 triệu trở lên	149	36,5
Tình trạng hôn nhân	Đã có gia đình	367	90,0
	Độc thân/ly thân/ly dị	41	10

Nhận xét: Có 53,7% đối tượng nghiên cứu là người dân trên 50 tuổi, tuổi trung bình là 49,57 tuổi. Tỷ lệ nam giới chiếm 59,1%; trình độ học vấn dưới trung học phổ thông chiếm 78,7%. Gần ½ đối tượng nghiên cứu là nông dân và có 36,5% đối tượng nghiên cứu có thu nhập từ 5 triệu đồng mỗi tháng trở lên. Hầu hết đối tượng nghiên cứu đã có gia đình với 90,0%, tình trạng góa/ly thân/ly dị có tỷ lệ là 10%.



Hình 1. Kiến thức của người dân về sản phẩm nhựa dùng một lần

Nhận xét: Có 30,9% người dân trả lời đúng về các loại sản phẩm SUPs, 27,5% biết về thời gian phân hủy. Người dân có kiến thức về tác hại của các loại sản phẩm SUPs đối với môi trường và sức khỏe con người đạt tỷ lệ 56,1% và 48,5%. Chỉ có 39,7% đối tượng hiểu biết đầy đủ về lợi ích của việc giảm thiểu các sản phẩm nhựa dùng 1 lần. Đánh giá chung, chỉ có 44,6% người dân đạt.

Bảng 2. Thực hành của người dân về sử dụng sản phẩm SUPs (n=408)

Nội dung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tần suất sử dụng sản phẩm SUPs trong tuần qua	Hàng ngày	178	43,7
	Trung bình 3 lần/tuần	136	33,3
	Không sử dụng	94	23,0
Tần suất mang túi đựng khi mua hàng	Thường xuyên	77	18,9
	Thỉnh thoảng	269	65,9
	Không bao giờ	62	15,2
Tần suất phân loại rác thải nhựa dùng một lần	Thường xuyên	72	17,6
	Thỉnh thoảng	237	58,1
	Không bao giờ	99	24,3
Xử lý sản phẩm nhựa dùng một lần sau khi sử dụng	Tái sử dụng	40	9,8
	Đem đến những nơi có thể tái chế được	72	17,6
	Vứt cùng với các loại rác khác, lần sau dùng cái mới	152	37,3
	Đốt	144	35,3
Cách thu gom quản lý chất thải nhựa dùng một lần của người dân	Tự đi đổ rác tại nơi quy định	184	45,1
	Bỏ rác vào thùng có nắp đậy, chờ người thu gom	219	53,7
	Bỏ rác vào thùng không nắp đậy, chờ người thu gom	110	27,0
	Bỏ rác vào túi, chờ người đến thu gom	112	27,5
Thực hành chung (3,28±1,0)	Đạt (> 3 điểm)	173	42,4
	Chưa đạt (≤ 3 điểm)	235	57,6

Nhận xét: Có 43,7% đối tượng nghiên cứu sử dụng sản phẩm SUPs hàng ngày trong thời gian 1 tuần và tỷ lệ đối tượng nghiên cứu không sử dụng trong 1 tuần là 23,0%. Chỉ có 18,9% đối tượng nghiên cứu thường xuyên mang theo túi đựng khi đi mua hàng; 17,6% thường xuyên phân loại rác thải nhựa trước khi thải bỏ. Cách xử lý sản phẩm SUPs phổ biến nhất là vứt bỏ chiếm tỷ lệ 37,3% và đốt là 35,3%. Thu gom rác thải nhựa SUPs phổ biến nhất là bỏ rác vào thùng có nắp đậy, chờ người thu gom (53,7%). Tỷ lệ thực hành chung đạt về sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của đối tượng nghiên cứu là 42,4%.

Bảng 3. Mối liên quan giữa thực hành sử dụng sản phẩm SUPs và một số yếu tố

Biến số		Thực hành SUP		p	OR (KTC 95%)
		Chưa đạt n (%)	Đạt n (%)		
Tuổi	18-50	122 (64,6)	67 (35,4)	0,330	1,25 (0,83-1,86)
	> 50	130 (59,4)	89 (40,6)		
Giới tính	Nam	154 (63,9)	87 (36,1)	0,336	1,25 (0,83-1,87)
	Nữ	98 (58,7)	69 (41,3)		
Hôn nhân	Có gia đình	218 (59,4)	149 (40,6)	0,042	2,07 (1,07-3,98)
	Độc thân/ly thân/ly dị	17 (41,5)	24 (58,5)		
Học vấn	< THPT	201 (62,6)	120 (37,4)	0,578	1,18 (0,73-1,92)
	≥ THPT	51 (58,6)	36 (41,4)		
Nghề nghiệp	Có việc làm ổn định	203 (61,9)	125 (38,1)	1,0	0,97 (0,57-1,65)
	Chưa có việc làm ổn định	45 (62,5)	27 (37,5)		
Thu nhập	Dưới 5 triệu/tháng	161 (62,2)	98 (37,8)	0,018	1,66 (1,11-2,5)
	Từ 5 triệu/tháng trở lên	74 (49,7)	75 (50,3)		
Kiến thức	Chưa đạt	117 (51,8)	109 (48,2)	0,011	0,58 (0,39-0,87)
	Đạt	118 (64,8)	64 (35,2)		

Nhận xét: Những đối tượng độc thân, ly thân, ly dị có tỷ lệ thực hành chưa đạt cao gấp 2,07 lần so với đối tượng đã có gia đình (OR=2,07; p=0,042). Những đối tượng có thu nhập dưới 5 triệu mỗi tháng có tỷ lệ thực hành chưa đạt cao gấp 1,66 lần so nhóm đối tượng có thu nhập từ 5 triệu mỗi tháng trở lên (OR=1,66; p=0,018). Người dân có kiến thức chưa đạt có tỷ lệ thực hành chưa đạt cao hơn so với nhóm có kiến thức đạt (OR=0,58; p=0,011).

IV. BÀN LUẬN

Các loại sản phẩm nhựa được người dân thường xuyên sử dụng trong nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự với các nghiên cứu trước đây được thực hiện tại Việt Nam như: nghiên cứu của Nguyễn Công Thuận, các sản phẩm sinh viên và cán bộ thường sử dụng bao gồm ly nhựa, ống hút nhựa, hộp xốp, muỗng nhựa, chai nhựa, túi nhựa [7]; tỷ lệ thường xuyên sử dụng túi ni lông trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Thương chiếm 92,8% [8] và nghiên cứu của Nguyễn Huy Nga có 88,8% [9]. Những sản phẩm này là những sản phẩm tiện lợi, đa dụng, dễ sử dụng, giá thành rẻ, không thấm nước nên thường được người dân lựa chọn.

Đa số người dân sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần hàng ngày trong tuần qua với 43,7%, 33,3% người dân sử dụng trung bình 3 lần/tuần. Tần suất sử dụng sản phẩm nhựa này tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Huy Nga (48% sử dụng thường xuyên, 51,8% thỉnh thoảng) [9]. Về tần suất mang túi đựng bằng giấy, bằng vải hoặc bằng inox khi mua hàng, nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận có 15,2% người dân không bao giờ thực hiện và

65,9% người dân thỉnh thoảng làm. Tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Nguyễn Công Thuận, với tỷ lệ 92% đối tượng mang theo các vật dụng thay thế đồ dùng nhựa 1 lần [7]. các sản phẩm nhựa dùng một lần sau khi sử dụng được vứt cùng với các loại rác khác, lần sau dùng cái mới (37,3%) hoặc đốt (35,3%). Việc tái sử dụng hoặc đem đến những nơi có thể tái chế được chiếm tỷ lệ lần lượt là 9,8%, 17,6%. Trong nghiên cứu của Nguyễn Trung Hoàng, có đến 20% hộ gia đình tái sử dụng các sản phẩm nhựa [10]. Tỷ lệ tái sử dụng sản phẩm nhựa trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Thương khá cao với 58,7% người dân có thói quen tái sử dụng đồ nhựa, chai nhựa là loại được tái sử dụng nhiều nhất với 89,6% [8]. Tỷ lệ người dân có thực hành chung đạt về sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần là 42,4%. Kết quả cao hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Thương cho thấy, có 35,4% người dân có thực hành chung đạt [8].

Giới tính có mối liên quan với kiến thức về sản phẩm nhựa dùng một lần trong nghiên cứu này, nữ giới có tỉ lệ kiến thức đạt cao hơn so với nam giới là 1,6 lần. Ở góc độ giới, nghiên cứu của Khanam N và cộng sự đã báo cáo những kết quả tương tự, khi nữ giới có kiến thức và thái độ đúng cao hơn so với nam giới [11].

Nghiên cứu cho kết quả có 44,6% người dân có kiến thức chung đạt về sản phẩm SUPs. Kết quả về kiến thức chung tương tự với nghiên cứu của Hammami và nghiên cứu của Srinivasan N với tỷ lệ kiến thức chung đạt lần lượt là 53% và 46% [12], [13]. Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, những người có kiến thức chưa đạt có thực hành chưa đạt cao hơn so với những người có kiến thức đạt là 0,58 lần. Liên quan này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Srinivasan N, khi tìm thấy mối tương quan thuận chiều giữa kiến thức và thực hành [13].

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ người dân đạt thực hành về sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần là 42,4%. Tình trạng hôn nhân và mức thu nhập trung bình tháng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thực hành sử dụng sản phẩm SUPs ($p < 0,05$). Người dân có kiến thức đạt có thực hành sử dụng sản phẩm SUPs tốt hơn so với người dân không đạt kiến thức ($p = 0,011$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Simul B. Effects of Microplastics on Fish and in Human Health. *Front. Environ. Sci.*. 2022. DOI: 10.3389/fenvs.2022.827289.
2. United Nations Environment Programme (2022). From Pollution to Solution, <https://www.unep.org/interactives/pollution-to-solution/>.
3. Chen Y., Awasthi A. K., Wei F., Tan Q., Li J. Single-use plastics: Production, usage, disposal, and adverse impacts. *Sci Total Environ.* 2021. 15, 752, 141772. DOI: 10.1016/j.scitotenv.2020.141772.
4. Tổng cục Môi trường. Nỗ lực giảm thiểu rác thải nhựa 2021 [updated 09/10/2021. Available from: [http://vea.gov.vn/detail?\\$id=1567](http://vea.gov.vn/detail?$id=1567)].
5. Gilpin R., Wagel D., Solch J. Production, distribution, and fate of polychlorinated dibenzo-p-dioxins, dibenzofurans, and related organohalogens in the environment. In: Schechter A, Gasiewicz T Dioxins and health. (2nd edn), John Wiley and Sons Inc. 2003.
6. Commission E. Single-use plastics 2019 [updated 02/7/2019. Available from: https://ec.europa.eu/environment/topics/plastics/single-use-plastics_en
7. Nguyễn Công Thuận, Nguyễn Trường Thành, Huỳnh Công Khánh, Nguyễn Xuân Hoàng. Thực trạng phát sinh rác thải nhựa trong trường học - Nghiên cứu điển hình tại Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ.* 2021. 57(2), 126-37.

8. Nguyễn Thị Minh Thương, Hoàng Thị Thảo, Nguyễn Thị Minh Trâm, Hoàng Ánh Linh, Đặng Thị Thanh Thủy, Nguyễn Văn Tính, et al. Thực trạng sử dụng đồ nhựa dùng một lần và một số yếu tố liên quan ở người dân thành phố Huế năm 2020. *Tạp chí Y học dự phòng*. 2021. 31(6), 105-9.
9. Nguyen Huy Nga, Tran Tuan Anh. Knowledge, attitudes and behaviours of Vietnamese people about single-use plastic products and health impacts in 2021. *Vietnam medical journal*. 2022. 58-64.
10. Nguyễn Trung Hoàng, Nguyễn Thị Lan Bình. Khảo sát thói quen sử dụng nhựa và đánh giá độ an toàn của các vật dụng nhựa sử dụng ở một số hộ gia đình tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí khoa học và Công nghệ*. 2021. 49, 222-39.
11. Khanam N., Wagh V., Gaidhane A., Quazi S. Knowledge, attitude and practice on uses of plastic products, their disposal and environmental pollution: A study among school-going adolescents. 2019. 14(2), 57-60, DOI: 10.4103/jdmimsu.jdmimsu_27_19
12. Hammami M. B. A., Mohammed E. Q., Hashem A. M., Al-Khafaji M. A., Alqahtani F., et al. Survey on awareness and attitudes of secondary school students regarding plastic pollution: implications for environmental education and public health in Sharjah city, UAE. *Environ Sci Pollut Res Int*. 2017. 24(25), 20626-33.
13. Shaira H., Ismail I. M., Ahmed N., Zeena N., Arooj P., et al. Assessment of Knowledge, Attitude and Practice Regarding Single Use Plastics among the Residents of a Rural Area in a Coastal District of Karnataka - A Descriptive Study. *National Journal of Community Medicine*. 2019. 11(2), 87-92, <https://doi.org/10.5455/njcm.20200207094558>

XÂY DỰNG QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ HOẠT TÍNH ỨC CHẾ ENZYM α -GLUCOSIDASE CỦA CAO CHIẾT DƯỢC LIỆU SỬ DỤNG MÁY QUANG PHỔ HAI CHÙM TIA

Lê Minh Luân, Võ Đức Linh, Nguyễn Ngọc Nhã Thảo*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: nnnthao@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/5/2023

Ngày phản biện: 22/8/2023

Ngày duyệt đăng: 15/9/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Các nghiên cứu đánh giá hoạt tính ức chế men α -glucosidase của cao dược liệu thường sử dụng máy đo quang phổ 96 giếng. Với máy đo quang phổ 2 chùm tia thông thường thì điều kiện xử lý mẫu cần phải được xây dựng và đánh giá lại cho phù hợp để có thể ứng dụng đánh giá hoạt tính ức chế men α -glucosidase của cao dược liệu phục vụ cho mục đích nghiên cứu. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xây dựng quy trình và đánh giá tác dụng ức chế men α -glucosidase in vitro của cao đặc lá Xoài, Giảo cổ lam, Dây thìa canh trên máy quang phổ hai chùm tia UV-VIS. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Cao đặc lá Xoài, Giảo cổ lam, Dây thìa canh. Đánh giá tác dụng ức chế men α -glucosidase của các cao chiết bằng phản ứng với cơ chất pNPG thông qua việc khảo sát các điều kiện về nồng độ enzyme, thời gian phản ứng và ảnh hưởng của chất đệm Na_2CO_3 , tiến